

# PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH SƯ PHẠM THÔNG QUA CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TẠI HOA KỲ VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Nguyễn Thanh Tâm

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
Email: tamnt@vnies.edu.vn

## Article history

Received: 17/10/2021

Accepted: 10/11/2021

Published: 20/11/2021

## Keywords

Student financial aid program, pedagogical students, human resources in pedagogy

## ABSTRACT

Nowadays, the target of attracting and training high-quality human resources for pedagogical majors is implemented through many different solutions and one of them is the financial assistance programs for pedagogical students who will become teachers in the future. These programs help facilitate the student's training process and create a mechanism to increase engagement with the teaching profession, which results in increasing the efficiency of investment in human resources in education. The financial assistance program for pedagogical students is considered one of the basic policies to develop and enhance teacher quality in many countries around the world, including Vietnam. This study explores some theoretical issues about financial aid programs for pedagogical students, setting the basis to learn experience in formulating and implementing financial aid programs for student teachers in the United States and current status of financial aid programs for pedagogical students that have been applied in Vietnam. Based on a comparison of programs between two countries, the study draws out some implications for Vietnam.

## 1. Mở đầu

Đào tạo giáo viên luôn được ngành Giáo dục Việt Nam chú trọng. Có thể nhận ra mục tiêu ưu tiên thông qua các chính sách hỗ trợ ưu đãi đối với sinh viên Sư phạm (SVSP) và đội ngũ giáo viên tại Việt Nam. Từ năm 2005, ngành Sư phạm đã nằm trong số ít ngành được miễn học phí. Đến năm 2020, bằng sự ra đời của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP về hỗ trợ tài chính cho SVSP, trong đó mở rộng các ưu đãi về tài chính cho SVSP nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho đội ngũ giáo viên tương lai, ưu tiên cho nguồn nhân lực ngành Sư phạm của Chính phủ một lần nữa được khẳng định. Mặc dù hệ thống các chương trình hỗ trợ tài chính (HTTC) cho SVSP tại Việt Nam đã được thực hiện trong một thời gian khá dài nhưng do nhiều yếu tố như mức hỗ trợ còn nhỏ so với nhu cầu của sinh viên (SV), độ bao phủ hẹp nên sự hấp dẫn và hiệu quả của các chương trình có phần giảm sút; quy định mới tuy đã mở rộng mức hỗ trợ nhưng lại mới chỉ trong giai đoạn đầu thực hiện, không tránh khỏi một số khoảng trống. Vì thế, việc tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế trong việc quản lý xây dựng và quản lý thực hiện các chương trình là rất cần thiết. Xuất phát từ nhu cầu đó, nghiên cứu tiên hành tìm hiểu kinh nghiệm của giáo dục Hoa Kỳ trong việc phát triển nguồn nhân lực Sư phạm bằng các chương trình HTTC cho SVSP để từ đó đưa ra so sánh và đề xuất đối với các chương trình hỗ trợ mới mở tại Việt Nam.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số vấn đề lý luận về phát triển nguồn nhân lực ngành Sư phạm thông qua chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên Sư phạm

#### 2.1.1. Khái niệm và bản chất chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên Sư phạm

Các chương HTTC cho SV (tiếng Anh: *Student Financial Assistance Scheme, Student Financial Aid Programs*) có hai đặc trưng cơ bản: Thứ nhất, các chương trình HTTC cho SV là một “kênh” HTTC cho người học và rộng hơn là một kênh cung cấp tài chính cho giáo dục đại học, trong đó SV sẽ nhận được HTTC dưới nhiều hình thức: hỗ trợ không hoàn lại hoặc có hoàn lại, hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để trang trải các chi phí trực tiếp trong quá trình học tập cho đến khi hoàn thành chương trình học (Ronald, 1993). Thứ hai, các chương trình HTTC cho học sinh, SV là chính sách thực hiện chia sẻ chi phí trong giáo dục; trong đó chi phí được chia sẻ giữa các bên: Chính phủ, nhà trường, phụ huynh, học sinh, SV (Johnstone, 2003; Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự, 2020).

### 2.1.2. Phân loại chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên

Những chương trình HTTC bao gồm nhiều loại và hạng mục nhỏ cùng nhiều tiêu chí phân loại. Hai cách phổ biến nhất để phân loại chương trình HTTC là phân loại theo nội dung chương trình và phân loại theo nguồn vốn của chương trình (Ronald, 1993).

#### 2.1.2.1. Phân loại theo nội dung chương trình

Theo cách phân loại này, có 3 loại HTTC chủ yếu (Ronald, 1993), bao gồm: - Hỗ trợ không hoàn lại (Gift aid) gồm trợ cấp (Grant) và học bổng (Scholarship); - Hỗ trợ việc làm (Employment aid) được biết đến là hỗ trợ thông qua chính sách tạo cơ hội việc làm cho SV, giúp họ có việc làm bán thời gian và kiếm được thu nhập bù đắp một phần chi phí giáo dục; - Tín dụng SV (Student Loan) là hình thức trong đó SV nhận được khoản vay để trang trải chi phí học tập cho đến khi hoàn thành đào tạo ở trường. Sau khi tốt nghiệp, tìm được việc làm và có thu nhập, họ bắt đầu trả nợ, hầu như luôn có tính lãi (Nguyễn Thanh Tâm, 2019).

#### 2.1.2.2. Phân loại theo nguồn vốn của các chương trình

Theo cách phân loại này, có 2 nguồn vốn chính tài trợ cho các chương trình HTTC cho SV, đó là nguồn vốn công và nguồn vốn tư nhân (TN). Mỗi loại lại bao gồm các loại hình thành phần. Cụ thể cách phân loại theo nguồn vốn được mô tả như bảng sau:

Bảng 1. Phân loại chương trình HTTC cho SV theo nguồn vốn

Chương trình HTTC cho SV phân theo nguồn vốn			
Chương trình có nguồn vốn công		Chương trình có nguồn vốn TN	
Chương trình của Chính phủ	Chương trình của chính quyền địa phương	Chương trình của các cơ sở giáo dục	Chương trình của quỹ TN hoặc các tổ chức ngoài trường học
- Được quản lý và cấp vốn từ các Bộ chuyên ngành, ngân hàng cấp quốc gia hoặc Chính phủ liên bang (đối với các quốc gia liên bang). - Phạm vi quốc gia.	- Được quản lý, cấp vốn từ chính quyền tỉnh, địa phương hoặc tiểu bang (đối với quốc gia liên bang). - Phạm vi địa phương.	- Được quản lý, cấp vốn từ nhà trường hoặc từ sự hợp tác của trường với các ngân hàng thương mại. - Phạm vi áp dụng cho SV của trường.	- Được quản lý, cấp vốn bởi các tổ chức phi chính phủ, công ty / chủ lao động hoặc ngân hàng thương mại.

Nguồn: Ronald (1993)

### 2.1.3. Cơ sở xây dựng chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên Sư phạm

#### 2.1.3.1. Các chương trình hỗ trợ tài chính có vai trò phát triển nguồn nhân lực với những ngành nghề trọng tâm

Theo Ziderman (2006), các chính sách HTTC cho SV mang lại nhiều ý nghĩa và tác dụng giúp thực hiện nhiều mục tiêu vĩ mô, có thể kể đến như sau: Mục tiêu về tháo gỡ tài chính cho giáo dục; Đẩy nhanh quá trình mở rộng phạm vi giáo dục đại học; Mục tiêu xã hội (cải thiện công bằng và tăng khả năng tiếp cận giáo dục); Cung cấp hỗ trợ cho người học; và một trong những tác động quan trọng là đáp ứng nhu cầu của lực lượng lao động.

Trong số các mục tiêu vĩ mô trên, mục tiêu đáp ứng nhu cầu nhân lực quốc gia luôn là một trong những mục tiêu quan trọng. Chính sách HTTC cho SV có thể được sử dụng như một công cụ để điều chỉnh cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực cũng như thu hút nguồn nhân lực cho những ngành nghề có nhu cầu cao. Các chương trình HTTC cho SV có thể nhằm mục đích cụ thể là hỗ trợ SV muốn theo học các ngành nghề nằm trong chính sách ưu tiên phát triển của đất nước hoặc các ngành nghề quan trọng trong xã hội (bác sĩ hoặc giáo viên), thể hiện ở các dạng: chương trình HTTC chỉ áp dụng cụ thể cho ngành ưu tiên, các ưu đãi đặc biệt (cơ hội đăng kí nhiều chương trình hơn, trợ cấp hoặc học bổng lớn hơn, ưu đãi lãi suất) cho SV của ngành ưu tiên. Với từng giai đoạn và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của đất nước, Chính phủ có thể thay đổi; điều chỉnh các ngành nghề được hưởng chính sách ưu đãi về HTTC cho SV theo học.

#### 2.1.3.2. Ngành Sư phạm với vai trò là ngành “trọng tâm, mũi nhọn”

Vai trò của giáo viên và ngành Sư phạm đối với sự phát triển của mọi quốc gia được khẳng định trong nhiều nghiên cứu. Giáo viên xây dựng các nguyên tắc đạo đức tốt và sự chấp hành của học sinh, SV; giúp hình thành và định hình lại tính cách của người học ở mọi lứa tuổi, thúc đẩy và khắc sâu kĩ năng/kiến thức và xây dựng nhân cách cho mọi công dân của quốc gia; tạo nên sự phát triển cả về tâm lí, thể chất, biểu hiện, kĩ năng xã hội và đặc biệt giúp cho mọi cá nhân trong xã hội tuân thủ các mục tiêu, nguyên tắc, chuẩn mực, lối sống, kế hoạch, chiến lược và các định hướng, chính sách của đất nước (Samsujjaman, 2017). Mở rộng ra, có thể hiểu, nhờ có hoạt động Sư phạm của

giáo viên mà giáo dục nói chung đóng góp lớn cho sự hình thành vốn nhân lực (được hiểu là mức độ đạt được những kiến thức, tri thức khoa học công nghệ mới, kỹ năng và kinh nghiệm của lực lượng lao động - một trong những nhân tố then chốt góp phần vào tăng trưởng kinh tế) (Babalola, 2015; Hanushek và cộng sự, 2016). Giáo viên cũng chính là lực lượng giúp giáo dục phát triển cá nhân con người và giải quyết các vấn đề xã hội như: sự gắn kết xã hội, phân phối thu nhập, bình đẳng (Đặng Thị Minh Hiền, 2013). Chính bởi vậy, giáo viên và đào tạo giáo viên là lĩnh vực rất quan trọng của bất kì quốc gia nào và các quốc gia luôn dành nhiều sự quan tâm cho vấn đề đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Sư phạm.

## 2.2. Các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên Sư phạm tại Hoa Kỳ

### 2.2.1. Các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên đại trà tại Hoa Kỳ

Các chương trình HTTC dành cho SV khởi đầu tại Mỹ bằng việc thông qua Bộ luật Giáo dục đại học vào năm 1965 (Higher Education Act - HEA). Sau nhiều sửa đổi về chính sách, đến nay các chương trình HTTC cho SV tại Mỹ đang tồn tại theo hai nhóm: Các chương trình HTTC cho SV công lập, bao gồm chương trình của liên bang và của tiểu bang và Các chương trình HTTC cho SV của TN, bao gồm chương trình của nhà trường hoặc các tổ chức TN ngoài nhà trường. Với mỗi nhóm, các chương trình HTTC cho SV thường ở các dạng HTTC quen thuộc như học bổng, trợ cấp, vừa học vừa làm, tín dụng SV (Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự, 2020). Các chương trình HTTC đại trà không phân biệt ngành học là những chương trình dành cho đối tượng SV nói chung, đang theo học tại bất cứ ngành nghề nào. Vì thế, các SV thuộc nhóm ngành Sư phạm cũng có thể tham gia các chương trình này nếu đáp ứng đủ các điều kiện và quy định.

#### 2.2.1.1. Các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên đại trà công lập

(1) *Các chương trình liên bang.* Các chương trình HTTC cho SV của liên bang là những chương trình được thực hiện và quản lý bởi Chính phủ liên bang Hoa Kỳ. Đơn vị đại diện Chính phủ quản lý các chương trình HTTC cho SV của liên bang là Văn phòng Hỗ trợ SV của liên bang (Federal Student Aid Office) trực thuộc Phòng Giáo dục Hoa Kỳ (the US Department of Education). Cụ thể các chương trình HTTC cho SV đại trà, không phân biệt ngành học của liên bang được thống kê trong bảng dưới đây:

Bảng 2. Các chương trình HTTC cho SV của liên bang

1. Trợ cấp	2. Vừa học vừa làm	3. Tín dụng SV
1.1. Pell Grant 1.2. Trợ cấp Federal Supplemental Educational Opportunity (FSEOG) cho SV có nhu cầu tài chính đặc biệt	2.1. Chương trình The Federal Work-Study tạo cơ hội làm bán thời gian cho SV	- Chương trình William D. Ford Federal Direct Loan (Direct Loan) bao gồm 4 chương trình: 3.1. Direct Subsidized Loans 3.2. Direct Unsubsidized Loans 3.3. Direct PLUS Loans 3.4. Direct Consolidation Loans

Nguồn: Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự, 2020; Federal Student Aid Office, 2021

(2) *Các chương trình của tiểu bang.* Bên cạnh các chương trình HTTC của liên bang, hầu hết tất cả các bang ở Hoa Kỳ đều có các chương trình HTTC cho SV của riêng mình. Với số tiểu bang lớn và tính đa dạng trong hệ thống lập pháp, sự khác biệt về chính sách giữa các bang ở Hoa Kỳ là rất lớn. Sự khác biệt lớn nhất thường nằm ở số lượng chương trình, đối tượng được hưởng hỗ trợ (SV và nhà trường). Tuy vậy, vẫn có một số điểm chung về điều kiện và điều khoản của các chương trình hỗ trợ mang tính tương đối điển hình/phổ quát của các bang như: Các chương trình này được quản lý và tài trợ bởi chính quyền các bang; lợi ích của các chương trình này là cư dân của các tiểu bang; hệ thống quản lý chương trình của tiểu bang có sự kế thừa lớn từ hệ thống chính sách và quản lý của liên bang (Ví dụ như cùng sử dụng hệ thống đơn xin hỗ trợ FAFSA). Chính quyền các bang cho đến nay vẫn là nguồn tài trợ lớn cho các chương trình HTTC ở trường công tại Hoa Kỳ (Ronald, 1993).

#### 2.2.1.2. Các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên đại trà tư nhân

(1) *Chương trình của các nhà trường.* Phần lớn các cơ sở giáo dục đại học ở Hoa Kỳ có các chương trình HTTC cho SV của riêng họ, bao gồm học bổng và trợ cấp của chính họ cùng với các chương trình việc làm bán thời gian cũng như các khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Các Chương trình HTTC cho SV của các nhà trường phổ biến hơn ở các trường đại học và cao đẳng tư thục hơn là ở các trường công lập và thường được tài trợ bởi các nguồn tài chính riêng của nhà trường hoặc các nguồn mà các nhà trường có thể tìm kiếm. Vì lý do đó, các điều khoản và điều kiện của các chương trình đều do nhà trường quyết định.

(2) *Các chương trình HTTC từ các tổ chức TN ngoài nhà trường.* Các tổ chức TN ngoài trường học cũng là nguồn cung cấp nhiều chương trình HTTC cho SV. Các loại HTTC do các tổ chức này cung cấp thường dưới

dạng trợ cấp, học bổng và cho vay. Điển hình cho học bổng và trợ cấp là các chương trình được cấp bởi các nhà tuyển dụng, cá nhân, công ty TN, tổ chức phi lợi nhuận, cộng đồng, nhóm tôn giáo và các tổ chức xã hội và nghề nghiệp. Điển hình cho tín dụng SV TN là mô hình các ngân hàng và các nguồn TN khác cung cấp các khoản vay TN cho SV.

### 2.2.2. Các chương trình hỗ trợ tài chính dành riêng cho sinh viên Sư phạm tại Hoa Kỳ

Bên cạnh các chương trình HTTC đại trà không phân biệt ngành học, với riêng nhóm đối tượng SVSP thì tại Hoa Kỳ còn tồn tại một số chương trình khác. Đây được coi là một công cụ để thúc đẩy nguồn nhân lực trong ngành Sư phạm vốn được quan tâm phát triển tại Hoa Kỳ. Các chương trình HTTC cho SVSP công lập tại Hoa Kỳ được tổng hợp trong bảng dưới đây:

*Bảng 3. Các chương trình HTTC cho SVSP công lập tại Hoa Kỳ*

STT	Tên chương trình	Cơ quan quản lý	Loại hình hỗ trợ	Lĩnh vực Sư phạm được ưu tiên	Điều khoản và điều kiện
1	Chương trình trợ cấp “The Teacher Education Assistance for College and Higher Education” (TEACH)	Văn phòng Hỗ trợ SV của liên bang (Federal Student Aid Office)	- Trợ cấp - Phạm vi: toàn quốc	Đào tạo giáo viên nói chung	- Đối tượng: SV đào tạo trình độ đại học hoặc sau đại học ghi danh vào khóa học đào tạo giáo viên - Mức hỗ trợ: Khoảng 3.800 USD/năm - Điều kiện: + Đồng ý công tác tại khu vực kém phát triển và/hoặc dạy những môn có nhu cầu cao như giáo dục đặc biệt, khoa học và toán,... trong ít nhất 4 năm học + Kí thỏa thuận ràng buộc + Nếu không thực hiện nghĩa vụ trên, khoản hỗ trợ được chuyển sang dạng tín dụng không được hỗ trợ và cần hoàn trả
2	Chương trình vừa học vừa làm của liên bang	Những nhà trường tham gia vào chương trình Work-Study liên bang	- Vừa học vừa làm - Phạm vi: toàn quốc	SV có nhu cầu làm việc trong lĩnh vực giáo dục công dân	- Ưu tiên SV đồng ý làm việc trong lĩnh vực giáo dục công dân - Mức lương tối thiểu bằng lương tối thiểu chung của liên bang
3	Các chương trình HTTC của từng tiểu bang Ví dụ: CT Illinois Future Teacher Corps (IFTC)	Chính quyền, Cơ quan quản lý giáo dục từng bang	Đa dạng - Trợ cấp - Chính sách ưu đãi - Phạm vi: địa phương	SVSP dự định ở lại và công tác tại bang đó sau khi tốt nghiệp	Đa dạng theo quy định của từng bang

*Nguồn: Federal Student Aid Office, 2021*

## 2.3. Các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên tại Việt Nam

### 2.3.1. Các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên đại trà

Tại Việt Nam, tính đến thời điểm hiện nay cũng đã có một số chương trình HTTC dành cho SV. Các chương trình HTTC cho SV phổ biến ở Việt Nam hiện nay chia theo loại hình bao gồm: trợ cấp, học bổng, tín dụng SV và

chia theo các nguồn tài trợ bao gồm: chương trình có nguồn vốn công và chương trình TN (của nhà trường, tổ chức). Cụ thể về sự hình thành và phát triển của các chương trình tại Việt Nam có thể được tóm tắt như sau:

- Từ năm 1998, Việt Nam đã ban hành các chính sách khuyến khích miễn giảm học phí cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2006, khoảng 22% SV đại học khó khăn được hưởng chính sách giảm học phí. Chính sách miễn giảm học phí không ngừng được sửa đổi, bổ sung hàng năm (Luật Giáo dục 2005 số 38/2005/QH11, Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH).

- Các chương trình học bổng và trợ cấp cho SV bắt đầu manh nha xuất hiện từ giữa những năm 1990, hướng đến đối tượng đầu tiên là học sinh khó khăn, dân tộc thiểu số. Đến năm 2006, học sinh dân tộc thiểu số đã nhận được một gói hỗ trợ khoảng 470.000 đồng (25 đô la Mỹ) mỗi tháng - bằng 1/3 tổng chi tiêu hàng tháng của một học sinh (Đặng Thị Minh Hiền, 2013). Từ năm 2007, chế độ học bổng cho SV nghèo cũng đã được điều chỉnh, tăng số tiền học bổng để trang trải toàn bộ học phí. Học sinh giỏi có thành tích học tập xuất sắc còn được nhận học bổng từ ngân sách nhà nước (Thủ tướng Chính phủ, 2007a). Ngoài ra, nhiều trường đại học, công ty, tổ chức TN cũng có quỹ học bổng riêng dành cho học sinh giỏi và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Ngoài học bổng và trợ cấp, Việt Nam cũng đã chính thức thực hiện chương trình cho vay đối với SV theo phạm vi rộng từ năm 2007, đánh dấu bằng sự ra đời của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2007b). Hạn mức tín dụng không ngừng được điều chỉnh theo các năm: lần điều chỉnh gần đây là từ ngày 1/12/2019, mức cho vay mới tối đa là 2,5 triệu đồng/tháng/SV. Thời hạn trả nợ cũng được cho phép gia hạn nhiều hơn, mức lãi suất nhìn chung đều ở mức thấp (0,65%/tháng vào năm 2013). Cơ chế này hiện hỗ trợ được cho khoảng 30% tổng số SV đại học và đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu chi tiêu của người học (Nguyễn Thanh Tâm, 2019). Trong một vài năm trở lại đây, một số chương trình tín dụng SV TN cũng đã bắt đầu được thực hiện do trường đại học và ngân hàng thương mại quản lý.

### 2.3.2. Các chương trình hỗ trợ tài chính dành riêng cho sinh viên Sư phạm tại Việt Nam

Bên cạnh các chương trình HTTC cho SV đại trà, SVSP tại Việt Nam đã và đang được hưởng thêm những chính sách ưu tiên với mục tiêu nhằm thu hút nhiều học sinh, SV giỏi theo học, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho giáo dục. Các chính sách quy định chương trình hỗ trợ cho SVSP theo thời gian được liệt kê trong bảng dưới đây:

*Bảng 4. Các chính sách HTTC dành riêng cho SVSP tại Việt Nam*

Năm	Văn bản quy định	Điều khoản và điều kiện	Loại hình HTTC
2005 2016	- Luật Giáo dục 2005 số 38/2005/QH11 - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH	<b>Miễn học phí đối với</b> - SVSP chính quy theo học tại các trường cao đẳng, đại học công lập, thuộc chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước phê duyệt	- Trợ cấp - Chương trình công lập được Chính phủ quản lý
2020	Nghị định số 116/2020/NĐ-CP Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với SVSP	<b>Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ</b> - SVSP được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo; - SVSP được Nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường. - Thời gian nhận xác định theo số tháng thực tế học tập theo quy định, không quá 10 tháng/năm học. <b>Điều kiện</b> - Có thời gian công tác trong ngành Giáo dục tối thiểu gấp 2 lần thời gian đào tạo tính từ ngày tuyển dụng. Ngày tuyển dụng phải nằm trong thời hạn 2 năm từ ngày tốt nghiệp. - Nếu không đáp ứng điều kiện, phải bồi hoàn kinh phí đào tạo.	- Trợ cấp - Chương trình công lập được Chính phủ quản lý

*Nguồn: Các văn bản quy phạm pháp luật*

#### 2.4. So sánh chương trình hỗ trợ tài chính dành riêng cho sinh viên Sư phạm tại Hoa Kỳ và Việt Nam

Các chương trình HTTC dành riêng cho SVSP tại Hoa Kỳ và Việt Nam có thể được so sánh trong bảng dưới.

*Bảng 5. So sánh chương trình HTTC cho SVSP tại Hoa Kỳ và Việt Nam*

Chương trình	Tiêu chí	Hoa Kỳ	Việt Nam
Hệ thống các chương trình HTTC cho SV đại trà	Năm hình thành	1965	Khoảng giữa những năm 1900
	Số lượng chương trình	Số lượng: Hệ thống đa dạng nhiều chương trình: - Chương trình của liên bang, tiểu bang, của các trường, của tổ chức TN - Nhiều dạng thức: trợ cấp, học bổng, tín dụng SV, vừa học vừa làm	Số lượng: Còn hạn chế - 01 Chương trình của Chính phủ cho mỗi dạng thức - Chương trình của TN số lượng rất hạn chế - Chỉ mới có những dạng thức cơ bản: trợ cấp, học bổng, tín dụng SV
	Mức độ bao phủ và khả năng tiếp cận	- Mức độ bao phủ rộng. - SV các chuyên ngành nói chung và SVSP có thể dễ dàng tiếp cận - SVSP có thể tiếp cận nhiều hơn 1 chương trình	- Mức độ bao phủ còn hẹp. Giới hạn đối tượng SV có hoàn cảnh khó khăn, tài chính hạn chế - SV các chuyên ngành nói chung và SVSP khó tiếp cận hơn
Các chương trình HTTC dành riêng cho SVSP	Năm hình thành	2005	2005
	Số lượng	2 chương trình cấp liên bang Nhiều chương trình cấp tiểu bang	1 chương trình do Chính phủ quản lý Không có chương trình của chính quyền địa phương
	Đối tượng SVSP được hưởng hỗ trợ	Có phân chia theo từng đối tượng giáo viên cụ thể: giáo viên theo địa điểm công tác, giáo viên theo bộ môn	Không phân chia, hướng đến giáo viên nói chung
	Loại hình HTTC	Trợ cấp Chương trình Vừa học vừa làm	Trợ cấp
	Cơ quan quản lý	- Cơ quan quản lý cấp nhà nước - Cơ quan quản lý cấp địa phương - Các trường đại học	- Cơ quan quản lý cấp nhà nước - Các trường đại học
	Điều kiện ràng buộc	- Được quy định ngay từ khi áp dụng chương trình - Minh chứng bằng cam kết văn bản - Nếu không đáp ứng các tiêu chí, trợ cấp tự động chuyển sang dạng tín dụng	- Mới chỉ được áp dụng từ 2020. Giai đoạn trước không có điều kiện ràng buộc - Minh chứng bằng Đơn xin hỗ trợ của người học và Phê duyệt danh sách - Nếu không đáp ứng các tiêu chí, phải hoàn trả lại tất cả trợ cấp

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

Từ những kết quả nghiên cứu trên, có thể đưa ra một vài so sánh và đánh giá về các chương trình HTTC dành riêng cho SVSP tại Hoa Kỳ và Việt Nam như sau:

Xét về hệ thống các chương trình HTTC cho SV đại trà, hệ thống ở Hoa Kỳ đa dạng và có mức độ bao phủ rộng hơn. Ngoài ra, SVSP tại Hoa Kỳ có thể nộp hồ sơ tham gia cả chương trình đại trà nhưng được quản lý rất chặt chẽ bởi nhà trường để tránh lãng phí, không công bằng. Còn tại Việt Nam, hệ sinh thái các chương trình nhìn chung hẹp hơn, phạm vi bao phủ hẹp hơn, thể hiện ở số lượng ít hơn, loại hình ít hơn, đối tượng hẹp hơn (tập trung vào SV có hoàn cảnh khó khăn). Vì thế, SVSP hầu như chỉ có thể tham gia một chương trình cho chuyên ngành của mình. Như vậy, các SVSP ở Việt Nam rõ ràng có ít cơ hội tiếp cận và nhận được ít hỗ trợ hơn các SV cùng chuyên ngành ở Hoa Kỳ.

Xét về loại hình các chương trình hỗ trợ, có thể thấy các ưu đãi về tài chính cho ngành Sư phạm tại Hoa Kỳ được cung cấp nhiều dạng chương trình khác nhau chứ không chỉ một chương trình đơn lẻ, bao gồm: trợ cấp, vừa học vừa làm, ưu đãi về chính sách. Đối tượng hưởng được phân hóa rõ ràng, quy định cụ thể: giáo viên công tác ở vùng khó, dạy bộ môn cụ thể. Việc quy định chương trình hướng đến các nhóm đối tượng SVSP cụ thể giúp đạt mục tiêu thu hút nguồn nhân lực chính xác cho các lĩnh vực trọng tâm, có nhu cầu cao của giáo dục. Còn tại Việt Nam đang chỉ tồn tại một dạng thức là trợ cấp với SVSP; đối tượng cũng mới chỉ được quy định chung là SV đang học ngành Sư phạm, chưa có sự phân hóa ưu tiên.

Trong xây dựng chính sách HTTC, quy định tại Hoa Kỳ rất chặt chẽ về điều kiện ràng buộc. Còn tại Việt Nam, suốt một thời gian dài kể từ khi có HTTC (năm 2005), không có cơ chế ràng buộc SV sau khi tốt nghiệp, hay nói cách khác là không có yêu cầu đối với SVSP về trách nhiệm đối với các khoản HTTC mà họ nhận được. Thực tế này nảy sinh hàng loạt vấn đề như: lãng phí ngân sách, SV ra trường không công tác trong ngành Giáo dục. Với sự ra đời của Nghị quyết 116/2020/NĐ-CP, mặc dù hạn chế này đã được điều chỉnh (thêm điều kiện ràng buộc) song quy định mới đi vào thực thi nên có thể phát sinh thêm những “lỗ hổng” cần tiếp tục giám sát, điều chỉnh.

Xét về nguồn vốn và hoạt động quản lý, có thể nhận thấy nguồn tài chính và vai trò quản lý cho các chương trình HTTC công cho SVSP tại Hoa Kỳ thuộc về chính quyền liên bang và chính quyền tiểu bang. Trong đó, vai trò cấp vốn, quản lý của cơ quan quản lý địa phương và các cơ sở giáo dục đại học là rất lớn, tăng khả năng tiếp cận và thu hút nguồn nhân lực cho ngành Sư phạm. Gánh nặng về mặt tài chính với ngân sách nhà nước và về mặt quản lý cũng được giảm tải rất nhiều nhờ có sự tham gia của các tiểu bang và cơ sở đào tạo tuy nhiên vẫn đảm bảo các chính sách HTTC đi theo đúng mục tiêu vì có sự tham gia và quản lý chủ đạo của chính phủ liên bang. Còn ở Việt Nam, hệ thống phân quyền trong quản lý hẹp hơn khi các cơ quan trung ương vẫn giữ vai trò chủ đạo và nhà trường mới chỉ thực hiện chức năng phối hợp quản lý.

### **2.5. Một số đề xuất về việc xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên Sư phạm nhằm phát triển nguồn nhân lực ngành tại Việt Nam**

(1) *Mở rộng thêm các chương trình và nguồn tài trợ đối với các chương trình đại trà:* Bài học kinh nghiệm từ nền giáo dục Hoa Kỳ cho thấy việc mở rộng các loại chương trình HTTC cho SV đại trà nói chung là quan trọng. Khi đó, SV thuộc tất cả các chuyên ngành nói chung và SVSP nói riêng có thể tăng khả năng tiếp cận với hỗ trợ.

(2) *Xây dựng chính sách quy định các chương trình HTTC dành riêng cho SVSP. Cụ thể:* - Xây dựng và thống nhất chiến lược phát triển ngành Sư phạm theo các giai đoạn để có định hướng hỗ trợ tốt; - Có quy định về mối quan hệ giữa chương trình hỗ trợ đại trà và chương trình hỗ trợ riêng cho ngành Sư phạm, bảo đảm ưu đãi, tránh chồng chéo giữa các chương trình; - Có quy định về thứ tự ưu tiên giữa các loại chương trình: tài trợ, học bổng, cho SV vay và số lượng chương trình trong mỗi loại mà SV được tham gia; - Giám sát, điều chỉnh điều kiện ràng buộc.

(3) *Quản lý thực hiện các chương trình HTTC cho SVSP:* - Huy động sự tham gia của các trường học, các tổ chức TN trong việc hỗ trợ vốn, đồng quản lý các chương trình HTTC dành cho SVSP; - Có chính sách ưu đãi, khuyến khích các nhà trường, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục tổ chức và quản lý các chương trình HTTC cho giáo viên tương lai gắn với chính sách tuyển dụng và mục tiêu đào tạo của nhà trường và tổ chức; - Quản lý cụ thể hồ sơ SV, thông tin sau tốt nghiệp, vị trí công tác của SV để quản lý hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài chính ưu đãi.

### **3. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thời gian vừa qua, tại Việt Nam, các chính sách về chương trình HTTC cho SVSP không ngừng được tăng cường, thể hiện mục tiêu cụ thể và rõ ràng trong việc thu hút và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Sư phạm. Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ này tại Việt Nam, so với một số nền giáo dục khác trên thế giới, ví dụ như Hoa Kỳ vẫn còn khá đơn giản về mức hỗ trợ và độ bao phủ; đồng thời vẫn còn thiếu sự đánh giá về hiệu quả và tác động của chính sách. Nghiên cứu kinh nghiệm của Hoa Kỳ trong vấn đề này sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách, cán bộ quản lý giáo dục tại Việt Nam có định hướng và nguồn tham khảo để quản lý thực hiện và quản lý đánh giá chính sách cũng như tiếp tục quản lý xây dựng chính sách trong thời gian tới nhằm đạt được một cách có hiệu quả mục tiêu phát triển nguồn nhân lực Sư phạm.

### **Tài liệu tham khảo**

- Babalola J. B. (2003, Revised 2015). *Fundamentals of Economics of Education*. Report of Research. Basic Text in Educational Planning. Ibadan: Department of Educational Management, University of Ibadan, Ibadan, 127-191.  
 Bộ GD-ĐT - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2016). *Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/03/2016, hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP*

- ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.
- Chính phủ (2010). *Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010, Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015.*
- Chính phủ (2020). *Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020, Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên Sư phạm.*
- Đặng Thị Minh Hiền (2013). *Những đặc điểm và hướng nghiên cứu cơ bản của kinh tế học giáo dục.* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, mã số: B2010-37-84.
- Federal Student Aid Office - Under The U.S. Department of Education (ED) (2021). *Types of Financial Aid.* Website Federal Student Aid - An official website of the United States government. <https://studentaid.gov/understand-aid/types>
- Hanushek E. A., Machin S., & Woessmann, L. (Editors, 2016). *Handbook of the Economics of Education.* Book, Volume 5, 1st Edition. Elsevier.
- Johnstone, D. B. (2003). Cost Sharing in Higher Education: Tuition, Financial Assistance, and Accessibility in a Comparative Perspective. *Sociologická Časopis / Czech Sociological Review*, 39(3), 351-374. <http://www.jstor.org/stable/41131925>
- Nguyễn Thanh Tâm (2019). Vận dụng cơ sở lý luận để đánh giá quản lý thực hiện chương trình tín dụng sinh viên góp phần đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục đại học ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 17, 37-42.
- Nguyễn Thanh Tâm, Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Thị Hiền, Đặng Thị Minh Hiền, Hoàng Lê Mai Phương (2020). Chia sẻ chi phí trong giáo dục đại học: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý đối với Việt Nam. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 33, 8-13.
- Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục.* Luật số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005.
- Ronald S. F. (1993). *Quality in Student Financial Aid Programs: A New Approach.* Panel on Quality Improvement in Student Financial Aid Programs, National Research Council, National Academy of Sciences Press.
- Samsujjaman (2017). Principle And Significance Of Teacher Education. *International Journal of Engineering Development and Research*, 5(2), 1995-2000.
- Thủ tướng Chính phủ (2007a). *Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/09/2007, về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.*
- Thủ tướng Chính phủ (2007b). *Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.*
- Ziderman A. (2006). *Policy options for student loan schemes: lessons from five Asian case studies.* UNESCO Office Bangkok and Regional Bureau for Education in Asia and the Pacific.